

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC MINH TRADE AND EDUCATION DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUC MINH EDUCATION ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108530901

3. Ngày thành lập: 30/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 61 Đường Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
2.	Cổng thông tin Chi tiết: Trừ hoạt động báo chí	6312
3.	Quảng cáo	7310
4.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ, kế toán, kiểm toán)	8211
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
9.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
10.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
11.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
12.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
13.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
14.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

17.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
18.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
19.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
20.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
25.	Bưu chính	5310
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình; -Thiết kế quy hoạch xây dựng; -Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; -Giám sát thi công xây dựng công trình; -Tư vấn quản lý dự án; -Thi công xây dựng công trình; -Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; -Tư vấn đấu thầu	7110
27.	Xây dựng nhà ở	4101
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất; Dịch vụ thiết kế đồ thị	7410
33.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
34.	Phá dỡ	4311
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Giáo dục nhà trẻ	8511
39.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
40.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các hàng hóa bị cấm theo pháp luật)	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
51.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ bán lẻ vàng, tem, súng, đạn và tiền kim khí	4773
60.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Trừ hoạt động đấu giá	4791
62.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
63.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
64.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
65.	Vận tải đường ống	4940
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

68.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
69.	Giáo dục mẫu giáo	8512
70.	Giáo dục tiểu học	8521
71.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
72.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
73.	Đào tạo sơ cấp	8531
74.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559(Chính)
75.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
77.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Tổ chức các buổi trình diễn tác phẩm nghệ thuật	9000
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
81.	Chuyển phát	5320
82.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
83.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
84.	Xây dựng công trình thủy	4291
85.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
86.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
87.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
88.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
89.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
90.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
91.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Số 61 Đường Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	037179002406	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		
2	VÕ DUY HÒA	Số 61 Đường Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	001075019686	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		
3	TRẦN THỊ KHÁNH TRI	Công ty xây dựng Số 6, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	012970857	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VÕ DUY HÒA**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **28/09/1975**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **001075019686**

Ngày cấp: **03/08/2018**

Nơi cấp: **Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 61 Đường Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Số 61 Đường Hàm Long, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội